TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ PRÔNG** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 09/2019/QĐST-DS	*Chư Prông, ngày 26 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 4 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 07/2019/TLST- DS ngày 03 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

-**Nguyên đơn**: ***Ngân hàng N***

Địa chỉ: 02 L, phường T, Quận B, thành phố Hà Nội.

+ *Người đại diện theo pháp luật*: Ông Trịnh Ngọc K, Chủ tịch Hội đồng Thành viên Ngân hàng N

+ *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Nguyễn Bá N, sinh năm 1966

Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện Chư Pr, tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ: Đường T, thị trấn Chư Pr, huyện Chư Pr, tỉnh Gia Lai.

+ *Người đại diện theo ủy quyền lại của ông Nguyễn Bá N tham gia tố tụng* là Trần Đức T, sinh năm 1978 - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện Chư Pr, tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ: Đường T, thị trấn Chư Pr, huyện Chư Pr, tỉnh Gia Lai.

- **Bị đơn**: Ông **Trần Văn K**, sinh năm: 1969

Địa chỉ: Thôn X, xã I, huyện Chư Pr, tỉnh Gia Lai.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: Bà **Phạm Thị L**

Địa chỉ: Thôn X, xã I, huyện Chư Pr, tỉnh Gia Lai.

2.Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1.*Về số tiền nợ*: Tính đến ngày 18/4/2019 ông Trần Văn K và bà Phạm Thị L thừa nhận có nợ của Ngân hàng N số tiền 3.883.917.362đ (ba tỷ, tám trăm tám mươi ba triệu, chín trăm mười bảy nghìn, ba trăm sáu mươi hai đồng), trong đó tiền gốc: 3.100.000.000đ (ba tỷ một trăm triệu đồng), tiền lãi tạm tính đến 18/4/2019 là 783.917.362đ (bảy trăm tám mươi ba triệu, chín trăm mười bảy nghìn, ba trăm sáu mươi hai đồng).

2.2 *Về phương thức và thời hạn thanh toán*: Ông Trần Văn K và bà Phạm Thị L có trách nhiệm liên đới thanh toán tiền nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng N cụ thể như sau: Vào ngày 18/7/2019 (dương lịch): Thanh toán số tiền 3.883.917.362đ (ba tỷ, tám trăm tám mươi ba triệu, chín trăm mười bảy nghìn, ba trăm sáu mươi hai đồng), trong đó tiền gốc: 3.100.000.000đ (ba tỷ một trăm triệu đồng), tiền lãi tạm tính đến 18/4/2019 là 783.917.362đ (bảy trăm tám mươi ba triệu, chín trăm mười bảy nghìn, ba trăm sáu mươi hai đồng). (chưa bao gồm lãi phát sinh từ sau ngày 18/4/2019).

2.3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày lập biên bản hoà giải thành (18/4/2019) ông Trần Văn K và bà Phạm Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Khi tính lãi chỉ tính lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

2.4.Trường hợp ông Trần Văn K và bà Phạm Thị L vi phạm thời hạn thanh toán nợ nói trên thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Pr xử lý các tài sản ông K và bà L đang thế chấp theo hợp đồng thế chấp 066/IM ngày 05/05/2015; Hợp đồng thế chấp 066/IG ngày 05/05/2015; Hợp đồng thế chấp 076/IM ngày 03/06/2015; Hợp đồng thế chấp 187//IM ngày 27/07/2016 đã được chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ tại 03 hợp đồng tín dụng giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng N, bên thế chấp là ông Trần Văn K và bà Phạm Thị L để thu hồi nợ.

Tài sản thế chấp gồm:

+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 066/IM cụ thể: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ255880; AP258700; AĐ302920, thửa đất số 09, 109, 61,50, 108,00; Tờ bản đồ 14, 05, 03, 29; Diện tích 58010 m^2 , diện tích đất ở 400 m^2 ; Đất LN 57.610 m^2 ; Tài sản trên đất gồm: Nhà ở 200m2; 700 cây cà phê và 3.400 trụ tiêu. Do Ủy ban nhân dân huyện ChưPr cấp ngày 27/4/2009, 12/5/2011, 08/5/2006. Đứng tên ông K và bà L.

+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 066/IG cụ thể: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH018113; Thửa đất số: 62a; Tờ bản đồ: 25, Diện tích: 8.144 m2. Tài sản trên đất: 1.600 trụ tiêu, địa chỉ tại thôn Đ, xã I, huyện Chư Pr, tỉnh Gia Lai. Được UBND huyện Chư Pr cấp ngày 22/08/2011. Đứng tên ông K và bà L.

+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 076/IM cụ thể: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AP258598; Thửa đất số: 123,55,58; Tờ bản đồ: 29,03,30. Diện tích: 56.075 m2 và tài sản trên đất Đất đại chỉ: tại Thôn X, xã I, huyện Chư Pr, tỉnh Gia Lai. Do UBND huyện Chư Pr cấp ngày 27/04/2009. Đứng tên ông K và bà L.

+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 187/IM cụ thể: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX212654; Thửa đất số: 86 ; Tờ bản đồ: 39. Diện tích: 19.872 m2 ; Đất LN: 19.872 m2 và Tài sản trên đất tại xã I, huyện Chư Pr, tỉnh Gia Lai. Do UBND huyện Chư Pr cấp ngày 08/04/2016. Đứng tên ông K và bà L.

2.5. *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

- Án phí dân sự sơ thẩm trường hợp hoà giải thành trước khi mở phiên tòa là [72.000.000đ + (1.883917362 x 2%)] : 2 = 54.839.174 đồng. Ông Trần Văn K và bà Phạm Thị L tự nguyện liên đới chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền 54.839.174 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 51.831.750 đồng, theo biên lai thu tiền số 0002253 ngày 03 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Pr, tỉnh Gia Lai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và Điều 9*

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Gia Lai;
-VKSND huyện Chư Pr;
-Chi cục THADS huyện Chư Pr;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Khả Thế